

Nhìn nhận việc “đảo hóa” của Trung Quốc ở Trường Sa dưới góc độ luật pháp quốc tế

• **Bạch Thị Nhã Nam**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: nambtm@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 16 tháng 11 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 23 tháng 3 năm 2016)

TÓM TẮT

Hoạt động xây dựng phi pháp các đảo nhân tạo của Trung Quốc trên rạn san hô ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam được bắt đầu năm 2014 và tăng cường đáng kể vào năm 2015 và 2016. Trung Quốc đã nạo vét, san lấp và cải tạo 7 bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa, biến chúng thành các đảo nhân tạo và xây dựng các công trình nổi khác tại các thực thể Trung Quốc đang chiếm đóng bất hợp pháp trên Biển Đông. Trong bài viết này, tác giả đánh giá những tác động từ hành vi “đảo hóa” của Trung Quốc đối với môi trường biển, đẩy lên những bất ổn về quân sự, chính trị, gây căng thẳng, phức tạp

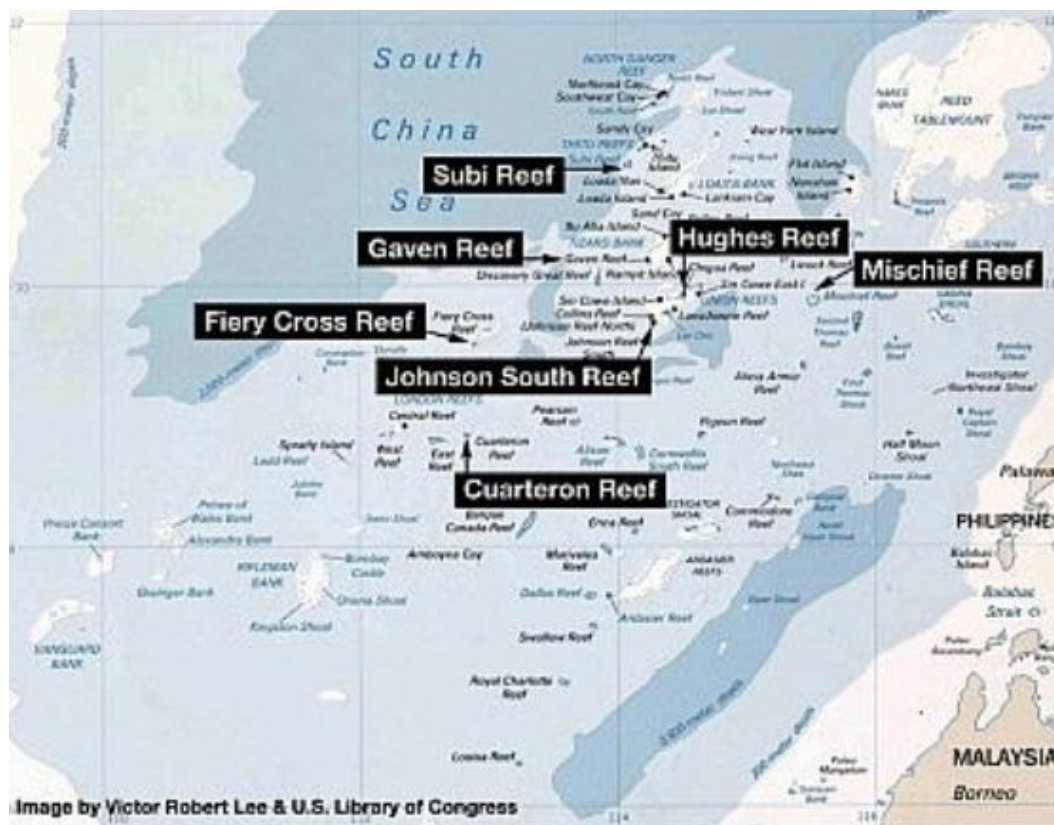
thêm các yêu sách chủ quyền đảo và phân định biển ở Biển Đông, và tranh cãi pháp lý về quy chế đối với đảo nhân tạo. Trong phần tiếp theo của bài viết, tác giả chỉ rõ hành vi “đảo hóa” của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật pháp quốc tế, Công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển UNCLOS 1982, và các cam kết ràng buộc quốc tế khác của Trung Quốc. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp cho Việt Nam trong bối cảnh gia tăng các hoạt động cải tạo đảo của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa.

Từ khóa: *Biển Đông, Quần đảo Trường Sa, Việt Nam, Trung Quốc, tranh chấp pháp lý, đảo nhân tạo.*

1. GIỚI THIỆU

Trên quần đảo Trường Sa, Trung Quốc hiện đang cải tạo và xây dựng ồ ạt các “đảo nhân tạo” và các căn cứ quân sự tại bảy bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa mà Trung Quốc chiếm đóng trái phép bao gồm Đá Châu Viên, Đá Chữ Thập, Đá Ga Ven, Đá Xu Bi, Đá Tư Nghĩa, Đá Vành Khăn và Đá Gạc Ma.

Việc các tàu Trung Quốc tiến hành phun cát và nạo vét đã làm tổn hại các rạn san hô, và đe dọa trực tiếp đến môi trường sinh vật biển. Cuộc đấu tranh trên Biển Đông đã có bước ngoặt mới, từ tranh chấp tài nguyên biển, quyền tự do hàng hải đến đấu tranh vì một môi trường biển trong lành.



Hình 1. Bầy cấu trúc địa lý tại Trường Sa đang bị biến đổi thành các “đảo nhân tạo”

Nguồn: Hình ảnh được công bố trên tờ *The Diplomat* của Victor Robert Lee và Thư viện Nghị Viện Hoa Kỳ, 25/04/2015, truy cập tại <http://thediplomat.com/2015/04/south-china-sea-chinas-unprecedented-spratlys-building-program/>, ngày truy cập 01/02/2016.

Những thực thể Trung Quốc chiếm được một cách phi pháp ở Trường Sa của Việt Nam chỉ là những bãi đá chìm, hay bãi cạn nửa nổi nửa chìm, có rất ít thực thể được xem là đảo. Tuy nhiên, Trung Quốc đã ồ ạt xây dựng các đảo nhân tạo trên các đảo/bãi đá còn đang tranh chấp với tốc độ bồi đắp chóng mặt, những thực thể đó đang trở thành đảo nhân tạo có diện tích lớn hơn nhiều tất cả các đảo/đá tự nhiên ở Trường Sa, phá vỡ tình trạng tự nhiên và gia tăng thêm căng thẳng trên Biển Đông.

Trong bài viết này, tác giả nêu hiện trạng việc Trung Quốc xây đảo trên quần đảo Trường Sa, và phân tích những hành vi “đảo hóa” của

Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật pháp quốc tế, Công ước Liên Hiệp Quốc về luật biển UNCLOS 1982, và các cam kết ràng buộc quốc tế khác của Trung Quốc. Qua phân tích trên, một số các giải pháp ngoại giao và pháp lý quan trọng cho Việt Nam được đề xuất và thảo luận trong bối cảnh gia tăng các hoạt động cải tạo đảo của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa.

2. HIỆN TRẠNG VIỆC TRUNG QUỐC XÂY ĐẢO TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Trong số các bãi đá ở Trường Sa, hoạt động cải tạo đảo của Trung Quốc diễn ra mạnh mẽ

nhất ở bãi đá Chữ Thập. Đến nay, Trung Quốc đã biến bãi đá Chữ Thập từ một bãi đá san hô có phần lớn diện tích nằm thấp hơn mực nước biển thành một đảo nhân tạo chứa một đường băng dài khoảng 3000 m, được thiết kế phù hợp cho việc cất và hạ cánh của các máy bay quân sự.

Theo những hình ảnh vệ tinh từ cuối tháng 06/2015 cho thấy Trung Quốc đã hoàn thiện

đường băng dài hơn 3.000m trên đá Chữ Thập thuộc quần đảo Trường Sa. Ngoài đường băng, công trình cảng biển sẽ được xây dựng đủ lớn để đón tàu tiếp tế, tàu chiến đầu cỡ lớn, nhiều nhà máy xi măng, cơ sở hỗ trợ, cầu cảng, súng phòng không, hệ thống chống người nhái, trang thiết bị liên lạc, nhà kính, bãi đáp trực thăng...



Hình 2. Hình ảnh vệ tinh về hoạt động nạo vét biển cải tạo của Trung Quốc ở bãi Đá Chữ Thập

Nguồn: Do Tờ Global Nation công bố vào ngày 17/03/2015, truy cập tại <http://globalnation.inquirer.net/119660/in-photos-chinas-construction-of-military-bases-in-south-china-sea>, ngày truy cập 10/11/2015.



Hình 3. Hình ảnh vệ tinh mô tả tuyến đường băng và các công trình khác trên bãi đá Chữ Thập

Nguồn: Do Tổ chức Sáng kiến Minh bạch Hàng hải Châu Á ("AMTI") thuộc Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế ("CSIS") của Mỹ công bố ngày 03/09/2015, truy cập tại <http://amti.csis.org/new-imagery-release/>, ngày truy cập 10/11/2015.

Ngoài đường băng được xây dựng hoàn thành trên bãi đá Chữ Thập, Trung Quốc đang tiến hành việc xây dựng đường băng trên bãi đá Subi và bãi đá Vành Khăn. Ngoài việc xây dựng 3 đường băng trên các bãi đá trên, Trung Quốc đã tiến hành nạo vét, bồi đắp lên các rạn san hô, các bãi đá... để xây dựng các đảo nhân tạo và các công trình khác trên các bãi đá còn lại.

Báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết, Trung Quốc đã cải tạo hơn 11,7 km² tính từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2015, với quy mô lớn hơn nhiều so với tất cả các bên liên quan trong 40 năm qua [7]. Chỉ huy Hạm đội Thái Bình Dương Mỹ, Đô đốc Harry Harris đã dùng từ “Vạn lý trường thành bằng cát” để mô tả những gì Trung Quốc đang tạo ra [6].

Đây là một bước đi làm thay đổi hiện trạng biển Đông mạnh mẽ và lâu dài, khi biến những thực thể nửa nổi nửa chìm hay một vài mỏm đá có diện tích rất nhỏ trở thành đảo thực sự. Điều này không chỉ đơn thuần là các hoạt động thuần túy nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ cho dân sự mà là những bước đi có ảnh hưởng sâu sắc cả về khía cạnh pháp lý và quân sự.

Một diễn biến gần đây nhất, vào ngày 24/01/2016, Trung Tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) của Mỹ cho biết những hình ảnh chụp vào cuối tháng một cho thấy Trung Quốc đã bố trí hệ thống radar tần số cao tại bãi đá Châu Viên, một trong 7 thực thể ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam mà Trung Quốc đã bồi đắp, cải tạo và xây dựng trái phép.



Hình 4. Hình ảnh vệ tinh mô tả hệ thống radar tại bãi đá Châu Viên

Nguồn: Do Tổ chức Sáng kiến Minh bạch Hàng hải Châu Á (“AMTI”) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (“CSIS”) của Mỹ công bố ngày 24/01/2016 truy cập tại <http://amti.csis.org/another-piece-of-the-puzzle/>, ngày truy cập 25/01/2016.

Ngoài ra trên các bãi đá khác như bãi đá Tư Nghĩa (07/02/2016), bãi đá Gạc Ma (09/02/2016), bãi đá Gaven (12/02/2016), theo các hình ảnh vệ tinh do CSIS công bố, thì Trung Quốc cũng có thể đang lắp đặt hệ thống radar

trên các bãi đá trên. Các động thái gần đây của Trung Quốc thực hiện trên các đảo chiếm đóng ở Trường Sa vấp phải sự phản đối của nhiều nước và các quốc gia đã đồng loạt kêu gọi Trung Quốc ngừng quân sự hoá Biển Đông.

Trong năm 2016, câu chuyện "nóng" ở Biển Đông vẫn là hoạt động cải tạo của Trung Quốc và việc nước này sẽ đẩy mạnh hoàn thành các hoạt động xây lấp, và tiến tới thực hiện quân sự hóa các đảo nhân tạo.

3. HÀNH VI “ĐẢO HÓA” CỦA TRUNG QUỐC ĐÃ VI PHẠM PHÁP LÝ NGHIÊM TRỌNG

Hành vi bồi đắp, xây dựng các đảo nhân tạo trên Biển Đông của Trung Quốc là hoàn toàn đi ngược lại với Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), trái với các cam kết giữa Việt Nam với Trung Quốc và ASEAN với Trung Quốc, đặc biệt là Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông - DOC năm 2002; xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa; vi phạm nhiều quy định của luật pháp quốc tế về bảo vệ môi trường biển.

3.1. Việc Trung Quốc sử dụng vũ lực xâm chiếm quần đảo Trường Sa là trái pháp luật quốc tế

Trước hết, theo luật pháp quốc tế, Trung Quốc không có quyền xây dựng các đảo nhân tạo trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Bởi lẽ, vào năm 1988 và năm 1995, Trung Quốc đã sử dụng vũ lực tấn công, chiếm đóng 7 bãi đá nổi trên thuộc quần đảo Trường Sa chủ quyền của Việt Nam. Việc Trung Quốc sử dụng vũ lực xâm chiếm quần đảo Trường Sa của Việt Nam là trái pháp luật quốc tế, vì chủ quyền của một quốc gia đối với lãnh thổ có được bằng hành động sử dụng vũ lực để xâm lược không được thừa nhận theo pháp luật quốc tế. Do vậy, hành vi xây dựng các đảo nhân tạo trên quần đảo Trường Sa là hoàn toàn trái với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982.

3.2. Việc Trung Quốc yêu sách mở rộng vùng biển đối với các đảo nhân tạo là trái quy định pháp luật quốc tế

Thứ hai, luật quốc tế cũng không thừa nhận việc mở rộng chủ quyền bằng việc tôn tạo đất, đá, cát, sỏi để lấn, để mở chủ quyền của mình trên biển trên 7 bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa. Trong những thực thể này phần nhiều là bãi nửa nổi nửa chìm, có vài mỏm đá nhô lên mặt nước, chưa được công nhận quy chế đảo theo UNCLOS 1982. Theo những nghiên cứu và đánh giá các thực thể gần đây trong 7 bãi đá ở Trường Sa, chỉ duy nhất bãi đá Gaven được xem là đảo. Đối với những thực thể còn lại, vẫn chưa có sự thống nhất giữa các khảo sát, nhưng đều không được coi là đảo [5].

UNCLOS 1982 quy định riêng biệt các quy chế khác nhau dành cho 3 loại thực thể có tính chất địa lý khá liên quan bao gồm thứ nhất là đảo và các quần đảo; thứ hai là các bãi đá và thứ ba là bãi cạn nửa chìm, nửa nổi và có thể hiểu là bãi nổi khi nước ròng.

UNCLOS 1982 đã phân định quy chế riêng biệt đối với đảo được hưởng quy chế vùng đặc quyền kinh tế (200 hải lý) và thêm lục địa trong khi các bãi đá, bãi cạn lúc nổi lúc chìm sẽ có thể được hưởng tiêu chuẩn tối đa là vùng lãnh hải 12 hải lý.

Ngoài ra, đối với các đảo nhân tạo thì Điều 121 của UNCLOS quy định rất rõ ràng: “Các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình không được hưởng quy chế của các đảo. Chúng không có lãnh hải riêng và không có tác động gì đối với việc hoạch định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế hoặc thêm lục địa”.

Quy định trong UNCLOS 1982 về quy chế pháp lý đối với các đảo nhân tạo được nhấn mạnh trong thực tiễn khi tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) trong vụ Phân định biển và các vấn đề lãnh thổ giữa Qua - ta và Ba - ranh năm 2001 rằng: “những nỗ lực của cả hai nước để cải tạo phần phía trên bề mặt của Qit’at Jaradah không cho phép kết luận rằng nó có tư cách pháp lý của một hòn đảo” [8].

Tuy nhiên, bằng các hoạt động nạo vét biển, sử dụng tàu cuốc để cắt những mảng san hô, đổ cát xây đảo quy mô lớn, Trung Quốc đã biến những thực thể trên trở thành đảo nhân tạo, dần xóa đi bản chất tự nhiên ban đầu của những thực thể này. Mục đích việc Trung Quốc bồi lấp các bãi cạn lúc nổi lúc chìm là nhằm biến chúng thành các đảo nhân tạo, rồi đòi hỏi các đảo này có quy chế pháp lý như các đảo nổi. Điều này được giải thích là từ chỗ các đảo nhân tạo chỉ có vùng an toàn 500m theo điều 60 khoản 5 UNCLOS 1982, Trung Quốc sẽ yêu sách vùng lãnh hải 12 hải lý, thậm chí vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý cho các đảo này trên cơ sở điều 121 UNCLOS với tư cách đầy đủ của thực thể đảo.

Giáo sư, Tiến sỹ Erick Frankx, Giám đốc Khoa Luật quốc tế và Luật châu Âu của Đại học Vrije Brussel (Vương quốc Bỉ), Trọng tài viên theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển - một trong những chuyên gia về Luật Biển hàng đầu thế giới - cho rằng “những hành động của Trung Quốc là vi phạm các quy định của UNCLOS 1982, trong tự nhiên có những mỏm đá, những bãi cạn, những hòn đảo, chúng ta không thể cố tình thay đổi hiện trạng đó vì nó ảnh hưởng đến những quy định của pháp luật quốc tế về khai thác tự nhiên. Việc xây dựng các đảo nhân tạo sẽ không thể tạo nên những quyền mới, sẽ vẫn phải coi đó là những đảo nhân tạo theo quy định của pháp luật quốc tế” [4].

3.3. Trung Quốc vi phạm nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng của các vùng biển đang có tranh chấp

Các bãi đá bị Trung Quốc bồi đắp và cải tạo ở Trường Sa đang nằm trong khu vực có tranh chấp chủ quyền. Điều 74 và 83 của UNCLOS 1982 đòi hỏi rằng trong các khu vực có các yêu sách EEZ hoặc thềm lục địa mở rộng mâu thuẫn nhau thì các bên tranh chấp: *"trên tinh thần hiểu biết và hợp tác, sẽ thực hiện mọi nỗ lực để tham gia vào các đàm phán tạm thời có tính chất thực tiễn và trong giai đoạn chuyển tiếp này, không*

gây phương hại cho hay cản trở việc đi đến các thỏa thuận cuối cùng."

Trong phán quyết năm 2004 đối với vụ Guyana kiện Suriname, Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) đã giải thích điều khoản này có nghĩa là các bên tranh chấp không được phép đơn phương gây ra thay đổi vĩnh viễn lên các vùng tranh chấp [2]. Đá Vành Khăn và Đá Xu Bi là các thực thể chìm khi thủy triều lên và không cách đảo nào trong khu vực này 12 hải lý, vì vậy hai bãi đá này là các bãi cạn nửa nổi nửa chìm không có vùng lãnh hải 12 hải lý. Việc xây dựng và cải tạo hai bãi đá này sẽ diễn ra trong một khu vực thuộc EEZ đang có tranh chấp như đối với bãi đá Vành Khăn, trong khi đối với bãi đá Xu Bi có thể thuộc EEZ hay thềm lục địa mở rộng đang có tranh chấp. Do đó việc xây dựng đảo trên Đá Vành Khăn và Đá Xu Bi của Trung Quốc rõ ràng vi phạm Điều 74 và 83 UNCLOS và phán quyết vụ Guyana - Suriname. Và việc Trung Quốc, một bên trong tranh chấp thay đổi tính chất địa lý của chúng một cách hoàn toàn và không thể khôi phục lại được là điều không thể chấp nhận được.

Không như Đá Vành Khăn và Đá Xu Bi, các rạn đá Chữ Thập (Fiery Cross), Gạc Ma (Johnson South), Châu Viên (Cuarteron), Huy Gơ (Hughes) và Ga Ven (Gaven) thì hoặc là có chỗ tự nhiên nằm trên mặt nước khi triều cao hoặc nằm trong phạm vi 12 hải lý của các đảo khác, như vậy theo UNCLOS, các rạn đá này có lãnh hải bao quanh. Vì thế, việc xây dựng đảo trên chúng diễn ra trong lãnh hải. Điều này có nghĩa Điều 74 và 83 của UNCLOS 1982 và phán quyết vụ Guyana-Suriname (vốn chỉ áp dụng cho EEZ và thềm lục địa mở rộng) sẽ không được áp dụng trong trường hợp này.

Tuy nhiên, việc xây dựng đảo ở tại trên rạn san hô do đó có thể có ảnh hưởng lâu dài cho vùng EEZ ngoài lãnh hải của các rạn san hô, vì các rạn san hô là bãi đẻ trứng cá quan trọng của các đại dương và biển và việc phá hủy chúng sẽ

ảnh hưởng đến trữ lượng cá tại những vùng biển cách xa các rạn đá này. Trong trường hợp của quần đảo Trường Sa, vùng EEZ đó đang có tranh chấp, do đó Điều 74 và 83 UNCLOS và phán quyết vụ Guyana - Suriname áp dụng được, điều đó có nghĩa là các hành động gây ra những thay đổi vĩnh viễn cho EEZ là bất hợp pháp ngay cả khi chính các hành động đó diễn ra trong lãnh hải [3].

Hoạt động này còn đi ngược lại Tuyên bố chính trị giữa ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử ở Biển Đông 2002 (điểm 5: “Các bên chịu trách nhiệm thực hiện sự kiềm chế trong việc thi hành các hoạt động có thể gây phức tạp hoặc leo thang tranh chấp, ảnh hưởng tới hòa bình và sự ổn định, kiềm chế không tiến hành đưa người đến sinh sống trên những hòn đảo hiện không có người sinh sống, trên các rặng đá ngầm, bãi cát ngầm, đảo nhỏ và những yếu tố khác và phải được xử lý những khác biệt của mình bằng phương pháp có tính xây dựng” và điểm 6 - “Trong khi chờ đợi một sự dàn xếp toàn diện và bền vững những tranh chấp, các bên liên quan có thể tìm kiếm hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác”).

Tóm lại, việc Trung Quốc xây dựng đảo nhân tạo ở ạt với mục đích biến đổi bản chất tự nhiên của các bãi đá, nhằm tạo nên “sự đã rồi” và yêu sách mở rộng các vùng biển dựa trên những bãi đá nhân tạo thì đó sẽ là những hành động tảo tợn chưa từng có trong lịch sử thế giới, vi phạm trắng trợn luật pháp quốc tế và vẽ nên một cách thức nguy hại trong việc “lách luật quốc tế”.

3.4. Trung Quốc vi phạm quy định pháp luật quốc tế về giữ gìn và bảo vệ môi trường biển

Thứ tư, Trung Quốc đang vi phạm Điều 192 và 123 của UNCLOS, về bảo vệ môi trường biển, đặc biệt là trong các vùng biển kín và nửa kín như Biển Đông. Điều 192 quy định rằng: “*Các quốc gia có nghĩa vụ bảo vệ và giữ gìn*

môi trường biển”, trong khi Điều 123 đòi hỏi các quốc gia quanh một biển kín hay nửa kín phải “*phối hợp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ đối với việc bảo vệ và bảo tồn môi trường biển*”.

Trung Quốc cũng vi phạm các quy định của Công ước bảo vệ đa dạng sinh học năm 1992 liên quan tới nghĩa vụ không được để các hành động do mình kiểm soát gây hại đến môi trường của các quốc gia khác và nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường. Điều 3 của Công ước yêu cầu các quốc gia có trách nhiệm đảm bảo các hoạt động do mình kiểm soát không được gây hại đến môi trường của các quốc gia khác. Điều 14 của Công ước quy định một quốc gia phải tiến hành đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện những dự án có thể gây ra hậu quả có hại tới đa dạng sinh học.

Trong thực tiễn phán quyết của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS), vào năm 2003 trong vụ tranh chấp giữa Malaysia và Singapore về hoạt động bồi đắp của Singapore tại eo biển Johor - nằm giữa bang Johor của Malaysia ở phía bắc và phía nam của Singapore, Tòa đã buộc Singapore không được tiến hành việc bồi đắp của mình theo những cách có thể gây tổn hại không thể khắc phục tới các quyền lợi của Malaysia hay gây tổn hại nghiêm trọng cho môi trường biển, đặc biệt là phải tính đến các báo cáo của nhóm chuyên gia độc lập; đồng thời yêu cầu Singapore và Malaysia phối hợp để tiến hành một nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của những hoạt động cải tạo của Singapore lên môi trường biển và Singapore đã tuân thủ phán quyết trên của tòa [9].

Như vậy, hành động đơn phương của Trung Quốc đã vi phạm nghĩa vụ của họ với UNCLOS qua việc nạo vét hàng trăm triệu tấn cát và san hô từ đáy biển và đổ lên các rạn san hô vốn là môi trường tối quan trọng cho cá đẻ trứng mà không có bất cứ đánh giá nào của các chuyên gia độc lập về tác động của những hoạt động

trên đối với môi trường Biển Đông và không có sự phối hợp hoặc tham vấn nào với các quốc gia ven biển khác trong khu vực này.

Điều 206 UNCLOS 1982 đã quy định: “Khi các quốc gia có những lý do xác đáng để cho rằng các hoạt động đã dự tính thuộc quyền tài phán hay quyền kiểm soát của mình có nguy cơ gây ra một vụ ô nhiễm nghiêm trọng hay làm thay đổi đáng kể và có hại đối với môi trường biển, thì trong chừng mực có thể, các quốc gia này cần đánh giá các tác động tiềm tàng của các hoạt động này đối với môi trường đó và cần báo cáo lại những kết quả của những đánh giá này theo cách đã được quy định ở Điều 205 về những báo cáo đánh giá được thực hiện độc lập, công khai”. Ngoài ra, tập quán quốc tế cũng yêu cầu nghĩa vụ của quốc gia về việc đánh giá tác động đối với môi trường khi có những hiểm họa từ các hoạt động của các quốc gia trong thực tiễn về khả năng gây ô nhiễm là không có biên giới và ảnh hưởng đến các quốc gia khác trong khu vực.

4. GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM TRƯỚC HÀNH VI ĐẢO HÓA CỦA TRUNG QUỐC

4.1. Việt Nam phải lưu những bằng chứng thực thể tự nhiên

Diễn giải từ điều 121 khoản 1 và 2 của UNCLOS, chỉ có đảo được hình thành một cách tự nhiên mới được hưởng quy chế vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa. Việc xây dựng đảo của Trung Quốc không có tác dụng củng cố yêu sách biển của Trung Quốc trong vùng biển đường chữ U mà Trung Quốc đơn phương tuyên bố dựa trên quyền lịch sử trong nhiều năm nay.

Theo điều 60 khoản 8 của UNCLOS 1982, đảo nhân tạo không được hưởng quy chế lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế, cũng như không ảnh hưởng tới việc phân định biển.

Tuy nhiên, Việt Nam cần phải lưu giữ những bằng chứng về tình trạng tự nhiên của những

thực thể này trong quần đảo Hoàng Sa trước khi Trung Quốc tiến hành xây dựng và cải tạo các đảo. Bởi vì, trong những tranh chấp pháp lý có thể phát sinh trong tương lai giữa Việt Nam và Trung Quốc, nếu Việt Nam không chứng minh được tình trạng tự nhiên của các thực thể đảo vào thời kì trước khi các hoạt động cải tạo của Trung Quốc, điều này có thể gây nguy hiểm cho những tranh biện pháp lý và những bất lợi cho Việt Nam trước tòa án quốc tế.

Tác giả đề xuất rằng các bức ảnh vệ tinh với độ phân giải cao có thể góp phần cung cấp thông tin về vấn đề này. Những bức ảnh vệ tinh này được cung cấp từ rất nhiều nguồn đáng tin cậy như các bức ảnh vệ tinh ghi lại hiện trạng của các thực thể từ trước và trong quá trình Trung Quốc xây đảo của Tạp Chí Quốc Phòng hàng tuần Jane (Jane's Defence Weekly, <http://www.janes-defence-weekly.com/>), Sáng kiến minh bạch Hàng hải Châu Á (“AMTI”) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (“CSIS”) của Mỹ (<http://amti.csis.org/>), Chuyên mục về biển Đông trên trang cá nhân của nhà báo Victor Robert Lee, (<http://www.victorrobertlee.com/op-eds/>), Tờ The Diplomat, Tờ Global Nation...

Ngoài ra, Việt Nam cần phải tiến hành khảo sát địa lý và lưu giữ các bằng chứng về tình trạng của các thực thể tự nhiên tại Trường Sa để chứng minh tình trạng ban đầu mang tính tự nhiên của các quần đảo trước khi Trung Quốc tiến hành các hoạt động cải tạo, phòng khi có thể phát sinh các tranh chấp pháp lý trước các cơ quan tài phán giữa Việt Nam và Trung Quốc trong tương lai.

Việt Nam cũng cần phải xác định yêu sách biển của mình, sau khi đã có thông tin khảo sát về các đảo/đá ở Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông.

Cùng với việc cải tạo, xây dựng các cơ sở hạ tầng ở Trường Sa, sự hiện diện của Trung Quốc tại vùng biển này sẽ tăng lên, sẽ dẫn đến các

nguy cơ đụng độ trên biển cũng sẽ tăng lên. Việt Nam xác định rõ yêu sách biển của mình sẽ giúp biết được mình có những quyền gì trong những vùng biển đó và cũng là để bảo vệ ngư dân tránh khỏi những cái cớ để bị tấn công, bảo vệ các quyền lợi thiết yếu của Việt Nam trong các vùng biển, các đảo trong tranh chấp, quản lý các tranh chấp và tiến hành khai thác hòa bình cùng các bên.

4.2. Việt Nam nên chuẩn bị cần thiết cho việc bảo vệ các quyền lợi pháp lý trước các cơ quan tài phán quốc tế

Việt Nam cần duy trì thực hiện phản đối đầy đủ các hoạt động của Trung Quốc trên các quần đảo trong khu vực tranh chấp ở Biển Đông thông qua các kênh chính thức như Phát ngôn của Bộ Ngoại giao Việt Nam, các thư từ trả lời chính thức của các cơ quan Nhà nước Việt Nam gửi đến các cơ quan Nhà nước Trung Quốc... và các kênh không chính thức như trả lời của cấp cao Việt Nam trước báo giới quốc tế và khu vực... Việc phản đối đối với các hoạt động cải tạo đảo của Trung Quốc như xây dựng đảo, tổ chức du lịch trên Hoàng Sa và một loạt các hoạt động khác của Trung Quốc, khẳng định rằng Việt Nam không thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo trong khu vực tranh chấp, hành vi “đảo hóa” nói trên của Trung Quốc không có giá trị về mặt pháp lý để Trung Quốc tuyên bố mở rộng các vùng biển và hiện trạng của các đảo trong khu vực tranh chấp sẽ không được xem là các bằng chứng pháp lý trong việc củng cố chủ quyền của Trung Quốc.

Việc liên tục phản đối của Việt Nam được thực hiện với một ý nghĩa pháp lý quan trọng bên cạnh các khía cạnh liên quan đến chính trị hay ngoại giao khác. Đó là theo quy định của luật quốc tế về việc xác định thời điểm "kết tinh" tranh chấp (critical date) - thời điểm bắt đầu xảy ra tranh chấp, sau thời điểm này, những bằng chứng về các hoạt động thực thi và củng cố chủ quyền của các bên tranh chấp sẽ không

có giá trị làm mạnh thêm yêu sách chủ quyền của một quốc gia nếu như các quốc gia tranh chấp khác phản đối. Tuy vẫn chưa xác định được chính xác thời điểm "kết tinh" tranh chấp ở Trường Sa, nhưng có một điều chắc chắn rằng thời điểm đó là trước những năm 1980.

Hiện tại thế giới đang dõi theo vụ kiện Philippines - Trung Quốc ở Biển Đông vì Philippines là nước đầu tiên kiện Trung Quốc lên Toà Trọng tài thường trực (PCA) của Liên Hợp Quốc ở The Hague (La Haye) về các vấn đề phân định biển và các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ UNCLOS 1982 ở Biển Đông. Sau phán quyết đầu tiên của Tòa về vấn đề thẩm quyền vào cuối tháng 10/2015, một dấu hiệu khả quan là Tòa cho rằng Tòa có thẩm quyền xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của Philippines mặc dù đối với một số yêu cầu khởi kiện khác, cần Philippines làm rõ. Những nội dung khởi kiện bao gồm đối tượng tranh chấp ở Trường Sa là quần đảo hay các đảo đơn lẻ, tính pháp lý của “đường lưỡi bò” liệu “đường lưỡi bò” của Trung Quốc không tạo ra quyền lịch sử hay không, các quyền được hưởng của các thực thể ở quần đảo Trường Sa, các hoạt động của Trung Quốc can thiệp bất hợp pháp vào các hoạt động thực thi quyền chủ quyền và quyền tài phán của Philippines trong vùng đặc quyền kinh tế, và Philippines khởi kiện Trung Quốc vì liên quan đến nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển, xây dựng đảo nhân tạo bất hợp pháp; Trung Quốc vận hành tàu thuyền có tạo ra nguy hiểm cho an toàn hàng hải cũng như làm trầm trọng hóa và mở rộng tranh chấp. Trước khi đưa ra các phán quyết cuối cùng, Tòa có thể đưa ra các biện pháp tạm thời, có tác dụng thúc đẩy các bên hợp tác theo quán quyết của Tòa trong khi chờ một giải pháp cuối cùng.

Đối với hành vi “đảo hóa” của Trung Quốc, Việt Nam có thể tham khảo các nội dung khởi kiện của Philippines, có thể nghiên cứu các sự kiện và các tranh luận một cách thận trọng, đánh

giá tiến trình hành động của Philippines. Mặc dù Trung Quốc không chấp nhận thẩm quyền của tòa án quốc tế đối với các tranh chấp chủ quyền, Việt Nam sẽ phải dựa vào một số thủ tục giải quyết tranh chấp của UNCLOS để có thể đơn phương đưa Trung Quốc ra tòa. Để thực hiện được việc này một cách hiệu quả, Việt Nam cần phải tiến hành một nghiên cứu có hệ thống để chuẩn bị hồ sơ với đầy đủ thông tin cần thiết về vấn đề này. Đồng thời Việt Nam phải lưu ý trên tinh thần hai nước có tình hình khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau trong mối quan hệ với Trung Quốc, vì thế Việt Nam nên thận trọng, không sao chép đơn thuần những gì Philippines đã làm và phải tìm ra cách của riêng mình. Đó cũng sẽ là một trong những nền tảng quan trọng cho những cuộc tranh biện pháp lý của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế và khu vực khác như Liên Hiệp Quốc, ASEAN, Diễn đàn đối thoại Shangri - la...

4.3. Việt Nam nên nỗ lực cùng các bên tranh chấp kêu gọi cộng đồng ASEAN và Trung Quốc thông qua Bộ quy Tắc Ứng xử trên Biển Đông (COC) trong bối cảnh mới

Việc xử lý tranh chấp Biển Đông, bên cạnh các bên liên quan trực tiếp, cần được đặt trong bối cảnh tổng thể hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải là lợi ích chung chính đáng của mọi quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, ASEAN có lợi ích và vai trò then chốt trong việc duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông do mối liên hệ tương hỗ giữa một Đông Nam Á hòa bình và một ASEAN thịnh vượng. Xử lý vấn đề Biển Đông cũng là góp phần thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng của ASEAN theo các cơ chế và chuẩn mực của ASEAN, nòng cốt của cấu trúc an ninh khu vực.

Trong nỗ lực duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông, ASEAN kiên định lập trường nguyên tắc sáu điểm thông qua năm 2012 yêu cầu thực hiện đầy đủ DOC ký năm 2002, Hướng dẫn thực hiện DOC năm 2011; sớm kết thúc Bộ

quy Tắc Ứng xử trên Biển Đông COC; hoàn toàn tôn trọng các nguyên tắc đã được thừa nhận của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS); tiếp tục tự kiềm chế và không sử dụng vũ lực giữa tất cả các bên; giải quyết bằng biện pháp hòa bình các tranh chấp, theo nguyên tắc của luật pháp quốc tế.

Tuy nhiên tình hình Biển Đông ngày càng phức tạp, nhất là trong những năm gần đây khi ASEAN liên tục chứng kiến các vụ việc đe dọa đến hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải như việc Trung Quốc đặt dàn khoan dầu (2014) tại vùng biển mà chiều theo luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982, không thể có bất cứ lập luận hợp pháp nào cho các đòi hỏi chủ quyền và quyền tài phán phi lý như trên, cũng như các hoạt động tăng cường bồi đắp và xây dựng quy mô lớn trên các đảo tranh chấp (2015) làm thay đổi nguyên trạng, đi ngược lại tinh thần thoả thuận của DOC, làm xói mòn lòng tin và có thể gây tổn hại đến hòa bình, an ninh và ổn định ở Biển Đông.

Trong vấn đề Biển Đông, ASEAN và Trung Quốc đã đạt được DOC từ 13 năm nay và đã tham vấn về COC được ba năm. Hiện tại, việc thiếu đi một Bộ Quy tắc Ứng xử, việc thiếu đi một tiến trình ngoại giao, đã dẫn đến các bên tranh chấp đối đầu với nhiều đụng độ và căng thẳng hơn trong khu vực. ASEAN và Trung Quốc là những đối tác chiến lược quan trọng chia sẻ lợi ích chung về hoà bình, ổn định ở khu vực. Các bên có thể chứng minh với thế giới rằng họ có thể tự giải quyết các vấn đề mà không cần sự can thiệp của các cường quốc hay cơ chế bên ngoài. Điều này không chỉ duy trì được vai trò trung tâm của ASEAN trong quản lý an ninh khu vực mà còn là bằng chứng cho “thái độ tốt”, sự “trỗi dậy hòa bình” của phía Trung Quốc với các nước láng giềng. Hiện nay, điều cần thiết là một giải pháp khu vực cho một vấn đề khu vực, ở cấp độ ngoại giao cấp cao.

Nội dung nào cần phải được đưa vào trong COC là một câu hỏi quan trọng. Hầu hết tinh thần soạn thảo COC cần được dựa trên DOC nhưng phải toàn diện và hiệu quả hơn DOC. Trước tình hình leo thang căng thẳng khi Trung Quốc có những hành đạo cải tạo, bồi đắp đảo, xây dựng các công trình quân sự, hiện đại hóa và mở rộng nhanh chóng lực lượng hải quân và không quân tại khu vực, COC cần đề cập các thỏa thuận chống đựng độ trên biển giữa các bên yêu sách. Đồng thời, một giải pháp ưu tiên được đặt ra là các biện pháp quản lý xung đột tạm thời. Các giải pháp tạm thời khác có thể bao gồm việc tạm dừng các hoạt động quân sự trong khu vực tranh chấp, trong đó có các hoạt động thu thập tình báo mang tính chất khiêu khích, phi quân sự hóa tại các thực thể đảo và một số cơ chế tạm thời (ad hoc) nhằm giải quyết các tranh chấp nghề cá hay ít nhất là thỏa thuận về cách thức cư xử có đi có lại khi một quốc gia phải đối mặt với tình huống vi phạm nội luật tại khu vực tranh chấp [1].

COC cần nêu rõ các nguyên tắc giúp duy trì nguyên trạng của việc kiểm soát trên thực tế của các bên tranh chấp khác nhau đối với các đảo và rạn đá. COC cần tiếp nối sự thành công của DOC trong việc ngăn chặn việc chiếm lấy các thực thể địa lý mới, vừa tính đến các chiến thuật mới như chiếm đoạt mà không cư ngụ, đánh bật một bên đang cư ngụ bằng cách phong tỏa, và xây dựng đảo quy mô lớn. Do đó, các bên trong tranh chấp không được chiếm đoạt các thực thể địa lý đã có bên khác chiếm đóng; các bên trong tranh chấp không được phong tỏa các thực thể địa lý đã có bên khác chiếm đóng; các bên trong tranh chấp không được chiếm lấy các thực thể địa lý chưa được chiếm đóng, dù bằng cách chiếm đóng thực sự hoặc bằng cách không cho bên khác tiếp cận; các bên trong tranh chấp không được xây đảo nhân tạo trên các bãi ngầm hoặc bãi lún nổi lúc chìm và không được mở rộng đảo dù là đảo tự nhiên hay đảo nhân tạo.

Hiện tại, đồng thời với việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC, ASEAN và Trung Quốc cần thiết phải đẩy nhanh đàm phán nhằm sớm thông qua hoàn tất COC. COC cần phải là một công cụ pháp lý ràng buộc điều chỉnh ứng xử của các bên ở Biển Đông, không chỉ nhằm ngăn ngừa, mà còn quản lý và giải quyết các vụ việc xảy ra và góp phần tạo dựng môi trường thuận lợi cho việc giải quyết toàn diện và lâu dài các tranh chấp trên Biển Đông. Việt Nam đóng vai trò là một bên tranh chấp ở Biển Đông, nhưng cũng là thành viên tích cực của ASEAN, hiện Việt Nam đang đảm nhiệm vai trò Tổng Thư ký ASEAN, vì vậy những nỗ lực chính trị ngoại giao, tích cực thương thuyết đàm phán để thông qua Bộ quy tắc Ứng xử COC phù hợp với tình hình mới của tranh chấp. Việc thiết lập một Bộ Quy tắc vững chắc và việc thực thi thành công COC là một thách thức to lớn, đồng thời cũng mang lại một cơ hội lớn đối với khu vực.

4.4. Việt Nam cần nỗ lực tìm kiếm các biện pháp song phương để quản lý xung đột tạm thời với Trung Quốc

Với tư thế là một nước lớn trong khu vực, Trung Quốc luôn muốn giải quyết song phương tranh chấp Biển Đông với các bên trong tranh chấp một cách riêng rẽ để tiện “bẻ từng chiếc đũa”. Đối mặt với một quốc gia hùng cường hơn rất nhiều lần trên nhiều khía cạnh, Việt Nam cần phải đa dạng hóa các phương thức và biện pháp giải quyết tranh chấp, và trong đó tìm kiếm giải pháp song phương không là một ngoại trừ.

Bên cạnh diễn đàn ASEAN và các nỗ lực hướng tới COC, Việt Nam cần kiên nhẫn duy trì các kênh đối thoại cấp cao, kênh trao đổi thông tin chính thức của Nhà nước để tiếp tục trao đổi thảo luận và trước mắt là tìm ra các biện pháp quản lý xung đột tạm thời như tạm dừng các hoạt động có tính chất khiêu khích trong khu vực tranh chấp, phi quân sự hóa tại các thực thể đảo và một số cơ chế tạm thời nhằm giải quyết các tranh chấp nghề cá...

Thực tiễn giải quyết tranh chấp trong quá khứ đã chứng kiến các hiệp định song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với việc phân định Vịnh Bắc Bộ, như Hiệp định hợp tác nghề cá Việt Nam - Trung Quốc với tư cách là một công cụ hợp pháp quan trọng để quản lý, bảo tồn và sử dụng nguồn lợi hải sản trong khu vực Vịnh Bắc Bộ. Nhìn chung, Hiệp định đã đem lại rất nhiều kết quả tích cực như tăng cường hợp tác giữa hai nước, giảm bớt đáng kể các xung đột về nghề cá, chia sẻ và khai thác nguồn lợi hải sản một cách hòa bình... So sánh với việc thực thi Hiệp định nghề cá giữa Trung Quốc và Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc, thì Hiệp định nghề cá giữa Trung Quốc và Việt Nam được đánh giá diễn ra khá suôn sẻ. Kinh nghiệm thành công từ thực thi Hiệp định nghề cá Trung - Việt là việc làm hữu ích, giúp Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục tìm kiếm giải pháp về một mô hình hợp tác nghề cá trong vùng đặc quyền kinh tế, theo một cách thức tuân thủ UNCLOS trong vùng nước ở quần đảo Trường Sa.

5. KẾT LUẬN

Nhiều ý kiến tiêu cực cho rằng các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp Biển Đông không hề đem lại hiệu quả trong khi Trung Quốc ngày càng bành trướng các hoạt động chiếm đóng thực thể tại Trường Sa và đang cố gắng thiết lập một “sự kiểm soát thực tế” tại khu vực và chủ yếu thiết lập một nguyên trạng mới. Tuy nhiên đối với các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp trên cơ sở quy định của luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982, tác giả cho rằng các bên tranh chấp nên duy trì một niềm tin lạc quan.

Việc nóng lên ở Biển Đông đã thu hút sự vào cuộc của các siêu cường trên thế giới đối với vấn đề Biển Đông, đặc biệt là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc... và vai trò của các tổ chức quốc tế, khu vực, thiết chế tài phán như Tòa Án trọng tài PCA đang xem xét vụ kiện Philippines - Trung Quốc đối với các tranh chấp ở Biển Đông... Những hoạt động này sẽ có tác động đến việc Trung Quốc xem xét và điều chỉnh chiến lược của mình ở Biển Đông. Ngoài những nỗ lực tìm kiếm giải pháp pháp lý, Việt Nam cần đồng thời nỗ lực đàm phán song phương với Trung Quốc trong việc đề xuất những giải pháp nhằm quản lý xung đột tạm thời như tạm dừng các hoạt động có tính chất khiêu khích trong khu vực tranh chấp, phi quân sự hóa tại các thực thể đảo và một số cơ chế tạm thời nhằm giải quyết các tranh chấp nghề cá... Việt Nam triển khai hợp tác song phương và trực tiếp với Trung Quốc để giảm thiểu khả năng mâu thuẫn lan ra thành xung đột, đối đầu với Trung Quốc. Tác giả cho rằng vẫn tồn tại những lợi ích chung ở Biển Đông, vẫn còn không gian rộng mở cho hợp tác nhưng điều quan trọng là các quốc gia phải thể hiện ý chí chính trị hướng đến việc dàn xếp hòa bình tranh chấp, đạt được một kết quả cùng có lợi cho tất cả các bên thay vì bị chi phối bởi tình cảm dân tộc và những toan tính vị kỷ. Chỉ khi đó, Biển Đông mới có thể tiếp tục là không gian phát triển hòa bình, thịnh vượng - không chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn các thế hệ tương lai của các quốc gia sinh sống ven vùng biển nửa kín, nửa hở - Biển Đông.

The building of artificial islands of China in the Spratly Islands - An analysis in the viewpoint of the international law

• **Bach Thi Nha Nam**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: nambtm@uel.edu.vn

ABSTRACT

The illegal building of the artificial islands in the Spratly Islands of China has been started since the beginning of 2014, and considerably boomed since 2015. China has conducted the dredging and the land reclamation in order to change the natural formation of seven reefs in the Spratly Islands, establish the artificial islands and complete the other man-made outposts in the features which were occupied unlawfully by China in the South China Sea. In the paper, the author shall evaluate the maritime environmental impacts, increasing

defense and political chaos in the disputed area posed by China's land reclamation, and legal disputes of the related parties about the legal status of the artificial islands. In the next part of the paper, the author presents how China's land reclamation has violated of the international law, UNCLOS 1982, and broken binding international commitments of China. Hence, the author suggests the solutions for Vietnam in the current context of robust land reclamation conducted by China in the Spratly Islands.

Keywords: South China Sea, Spratly Island, Vietnam, China, legal dispute, artificial islands.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Danh Huy, *Quản lý cảng thẳng một cách công bằng ở Biển Đông*, 07/07/2015, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/5069-quan-ly-cang-thang-mot-cach-cong-bang-o-bien-dong>, Nghiên cứu Biển Đông, truy cập ngày 01/10/2015.
- [2]. Huy Sơn, Tlđđ.
- [3]. Huy Sơn, Tlđđ.
- [4]. Huy Sơn, *Trung Quốc vi phạm luật quốc tế khi cải tạo đảo ở Biển Đông*, <http://vov.vn/the-gioi/quan-sat/trung-quoc-vi-pham-luat-quoc-te-khi-cai-tao-dao-o-bien-dong-422231.vov>, Đài Tiếng Nói Việt Nam, truy cập ngày 09/10/2015.
- [5]. Robert Beckman & Clive Schofield, *Defining EEZ Claims from Islands: A Potential South China Sea Change*, The International Journal of Marine and Coastal Law 29 (2014) pp 193–243. Theo công bố trên tạp chí The International Journal of Marine and Coastal Law, GS Robert Beckman và Clive Schofield đã kết hợp thông tin của các khảo sát trước đây, từ đó đánh giá và liệt kê những thực thể trong khu vực biển Thái Bình Dương để xem xét các thực thể chưa đủ tiêu chuẩn là đảo theo Công ước Luật Biển 1982.
- [6]. Theo Tờ bưu điện Washington, *Vạn lý trường thành bằng cát*, 08/04/2015 tại

- http://www.washingtonpost.com/opinions/a-great-wall-of-sand/2015/04/08/d23adb3e-dd6a-11e4-be40-566e2653afe5_story.html, truy cập ngày 01/10/2015.
- [7]. Theo Vnexpress, *Việt Nam cảnh báo tình trạng quân sự hoá Biển Đông đặc biệt lo ngại*, 25/02/2015 tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/viet-nam-can-bao-tinh-trang-quan-su-hoa-bien-dong-dac-biet-lo-ngai-3360653.html>, truy cập ngày 10/03/2016.
- [8]. Tuyên bố của Thẩm phán Vereshchetin, trong phán quyết ngày 16/03/2001, tr.220; xem tại <http://icj-cij.org/docket/files/87/7031> (truy cập ngày 8/10/2015). Thực tế, ban đầu cách nhìn nhận như vậy đã tồn tại trước đó, ví dụ như Jessup viết, “Sẽ là một học thuyết nguy hiểm ở nhiều nơi trên thế giới nếu cho phép các Quốc gia chiếm đoạt các vùng nước mới bằng cách xây dựng trên các bãi cát ngầm.” P.C.Jessup, *The Law of Territorial Waters and Maritime Jurisdiction*, New York, 1927, tr.69.
- [9]. Xem đoạn 106, phán quyết vụ tranh chấp giữa Malaysia và Singapore liên quan đến hoạt động cải tạo và bồi đắp đất của Singapore ở trong và xung quanh khu vực eo biển Johor, 08/10/2013, https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/case_no_12/Order.08.10.03.E.pdf, truy cập ngày 01/10/2015.